

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 976b/QĐ-TDTTBN ngày 30 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh)*

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1 Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo ngành Huấn luyện thể thao do Khoa Huấn luyện thể thao xây dựng, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thẩm định và ban hành. Chương trình có tham khảo các chương trình của các trường: Trường đại học TDTT Bắc Kinh (Trung Quốc), Học viện TDTT Thượng Hải (Trung Quốc), Trường Đại học Tổng hợp Thể dục thể thao, Thanh niên và Du lịch Quốc gia Nga (Liên bang Nga) Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh, Trường đại học TDTT Đà Nẵng ...Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như một số yêu cầu quốc tế khác đối với năng lực của người lao động trong thế kỷ 21 đáp ứng thời kỳ chuyển đổi số.

1.2 Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình	Huấn luyện thể thao
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Huấn luyện thể thao
Mã ngành	7140207
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	4 năm
Số tín chỉ	121
Loại bằng	Cử nhân
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Huấn luyện thể thao

1.3 Mục tiêu của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực Thể dục thể thao có đầy đủ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, chính trị. Có kiến thức và khả năng vận dụng trong thực tiễn quản lý, hướng dẫn, giảng dạy và huấn luyện thể thao;

Có năng lực trong công tác tuyển chọn, quản lý huấn luyện vận động viên, tổ chức thi đấu, trọng tài, quản lý chuyên môn các đội thể thao.

Tổ chức các hoạt động, sự kiện Thể dục thể thao phục vụ cộng đồng; Hợp tác quốc tế phát triển lĩnh vực Thể dục thể thao.

1.4 Kết quả học tập dự kiến

Sinh viên chương trình đào tạo cử nhân huấn luyện thể thao sau khi tốt nghiệp sẽ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, đạo đức như sau:

1.4.1. Yêu cầu về kiến thức

1.4.1.1. Kiến thức chung

** Kiến thức về lý luận chính trị*

- Hiểu và vận dụng hệ thống tri thức khoa học và những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin.

- Hiểu kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và vận dụng trong công việc cũng như trong cuộc sống.

** Kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường*

- Áp dụng những kiến thức đã được học để đảm bảo đúng các quy định của pháp luật trong thực hiện công việc và trong cuộc sống;

- Tích cực tham gia bảo vệ môi trường góp phần cho việc phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.

** Kiến thức về tin học*

- Sử dụng thành thạo và khai thác được các tính năng nâng cao của các phần mềm văn phòng thông dụng; khai thác một số dịch vụ cần thiết trên Internet;

- Biết cách khai thác được các cơ sở dữ liệu của Việt Nam và thế giới.

** Kiến thức về ngoại ngữ*

- Tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp; Nghe hiểu các nội dung trao đổi trong các cuộc trao đổi, hội nghị, hội thảo quốc tế;

- Vận dụng ở mức độ trung bình tiếng Anh học thuật trong công việc.

** Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh*

- Hiểu nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng-an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào điều kiện tác chiến thông thường.

- Hiểu và vận dụng những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện, ngăn ngừa các chấn thương để củng cố và tăng cường sức khỏe. Sử dụng các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn đặc thù. Vận dụng những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao ngoại khóa cộng đồng.

1.4.1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Vận dụng ở mức trung bình các kiến thức TDDT trong công việc hướng dẫn, quản lý, thống kê, xử lý số liệu và các tính toán liên quan đến ngành đào tạo;

- Xây dựng kế hoạch và phân tích ở mức độ khá các kỹ năng tổ chức hoạt động TDDT;

- Sử dụng được các phần mềm để phân tích, đánh giá các hoạt động TDDT và áp dụng vào nghiên cứu khoa học.

1.4.1.3. Kiến thức của khối ngành

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về luật TDDT để tổ chức, quản lý các hoạt động TDDT;

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản và nâng cao vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp. Biết giải thích, phân tích, đánh giá được các vấn đề liên quan đến TDDT.

- Lựa chọn và vận dụng phương thức quản lý nhóm làm việc hiệu quả.

- Vận dụng ở mức độ trung bình các phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê phục vụ cho công việc quản lý, huấn luyện, hướng dẫn hoạt động TDDT.

1.4.1.4. Kiến thức của nhóm ngành

- Hiểu và biết áp dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành TDTT làm nền tảng cho việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực TDTT;
- Hiểu được mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực TDTT.
- Phân tích, đánh giá và vận dụng các nguyên lý cơ bản và nâng cao về TDTT để xử lý các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực hợp tác phát triển TDTT.

1.4.1.5. Kiến thức ngành

- Hiểu và áp dụng các kiến thức, phương pháp luận về TDTT...để phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn xảy ra trong lĩnh vực TDTT ở mức độ khá;
- Tổng hợp, phân tích và đánh giá xu hướng phát triển TDTT và kiến nghị giải pháp;
- Nắm vững và vận dụng tốt trong thực tiễn những kiến thức cơ bản về lý luận, khoa học và phương pháp huấn luyện thể thao hiện đại;
- Có trình độ khá về kỹ năng huấn luyện - giảng dạy, giáo dục theo hướng cơ bản, khoa học và hiện đại về TDTT;
- Có kiến thức cơ bản về nguyên lý giáo dục, chuyên ngành HLTT cũng như các kiến thức liên quan đến công tác giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao và trọng tài mức độ tốt ở môn thể thao chuyên ngành.

1.4.2. Về kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng chuyên môn

** Các kỹ năng nghề nghiệp*

- Vận dụng tốt kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn hoạt động trong lĩnh vực TDTT; bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp.
- Có kỹ năng xử lý tốt các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực TDTT.

** Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề*

- Lập luận, phân tích các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực TDTT, như phân tích, đánh giá các xu hướng phát triển TDTT khu vực và toàn cầu, xu hướng và sự hợp tác, đầu tư từ các nguồn lực xã hội hóa...đưa ra những hướng giải quyết cụ thể ở mức độ khá.

** Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*

- Nghiên cứu, phát hiện các vấn đề trong lĩnh vực TDTT ở mức độ khá;
- Sử dụng ở mức trung bình các phương pháp nghiên cứu thích hợp để phân tích, đánh giá và dự báo xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về TDTT.

** Khả năng tư duy theo hệ thống*

- Có khả năng lập luận, tư duy logic và hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề trong lĩnh vực TDTT ở mức độ trung bình.

** Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh*

- Nhận thức và thích nghi với bối cảnh xã hội, ngoại cảnh để phát triển nghề nghiệp và công việc chuyên môn ở mức độ khá.
- Nhận thức được vai trò, trách nhiệm của cá nhân với xã hội và cơ quan công tác.

** Hiểu bối cảnh tổ chức*

- Hiểu rõ được văn hóa tổ chức, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển của tổ chức.
- Nhận thức và thích nghi được bối cảnh tổ chức để phát triển nghề nghiệp và công việc chuyên môn ở mức độ khá.

** Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn*

- Vận dụng ở mức độ khá các kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, bước đầu hình

thành năng lực phát triển nghề nghiệp.

- Có năng lực phân tích yêu cầu, đề xuất giải pháp và thực thi giải pháp ở mức độ khá.

- * *Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp*

- Có sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc cụ thể, tích lũy kinh nghiệm để có thể đảm đương những công việc ở những vị trí khác nhau trong tổ chức.

- Biết đề xuất các phương pháp mới đưa lại lợi ích cho tổ chức, cộng đồng, xã hội.

1.4.2.2. Kỹ năng bổ trợ

- * *Các kỹ năng cá nhân*

- Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý công việc của bản thân; định hướng mục tiêu phát triển của bản thân.

- Có tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, biết đề xuất sáng kiến ở mức độ khá.

- * *Làm việc theo nhóm*

- Hình thành, vận hành, phát triển và lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả;

- Biết hợp tác với các thành viên khác trong nhóm;

- Biết cách chia sẻ thông tin và điều hoà các mối quan hệ trong nhóm trong nhóm;

- Có kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau.

- * *Quản lý và lãnh đạo*

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo được hình thành trong quá trình học tập thông qua các phương pháp học tập tích cực và làm việc theo nhóm. Bao gồm: Kỹ năng quản lý thời gian, nguồn lực; Kỹ năng xây dựng và thực hiện quy trình tổ chức sự kiện.

- * *Kỹ năng giao tiếp*

- Biết cách lập luận, sắp xếp ý tưởng ở mức độ tốt;

- Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail).

- Biết cách huy động các nguồn tài trợ cho dự án, sự kiện ở mức độ khá.

- * *Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Giao tiếp tốt được bằng tiếng Anh, có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành TDTT; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

- Trình độ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- * *Các kỹ năng bổ trợ khác*

- Đương đầu với thách thức, rủi ro;

- Thích nghi đa văn hóa.

- Sử dụng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS,...) trong công việc. Sử dụng thành thạo Internet, thiết bị văn phòng.

1.4.3. Về phẩm chất đạo đức

1.4.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Lễ độ; Khiêm tốn; Nhiệt tình; Trung thực.

- Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, có tinh thần tự tôn.

1.4.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trách nhiệm trong công việc;

- Trung thành với tổ chức;
- Say mê nghiên cứu, khám phá kiến thức;
- Thích ứng với môi trường đa văn hóa.

1.4.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tôn trọng pháp luật;
- Có tinh thần kỷ luật cao;
- Có trách nhiệm với xã hội;
- Nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội;
- Có lối sống tích cực.

1.4.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo trong lĩnh vực TDDT; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường đa văn hóa.

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp nảy sinh trong thực tiễn trong lĩnh vực TDDT.

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

1.2 Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong tổ chức.

- Có khả năng đảm nhận các công việc trợ lý hay chuyên viên hỗ trợ hoạch định, phân tích và tư vấn xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động TDDT tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương;

- Có khả năng tham gia huấn luyện đội tuyển TDDT, hướng dẫn viên các CLB TDDT và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực TDDT;

- Có khả năng đảm nhận các công việc liên quan đến lập kế hoạch, giám sát hay thực thi các hoạt động về TDDT tại các doanh nghiệp của Việt Nam, các công ty, các doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài;

1.3 Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.3.1 Tiêu chuẩn nhập học

1. Trường Đại học TDDT Bắc Ninh tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học TDDT Bắc Ninh.

2. Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

3. Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.3.2 Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Theo quy chế 43 ban hành ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục – Đào tạo, thông tư số 57 ban hành ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục – Đào tạo và quyết định số 17 ban hành ngày 15/05/2014 của Bộ Giáo dục – Đào tạo, ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Hoạt động đào tạo được tổ chức như

sau:

- Thời gian đào tạo: 4 năm gồm 8 học kỳ với tổng số 2670 giờ, bao gồm thời gian thực tập và làm khoá luận tốt nghiệp, mỗi năm gồm 2 học kỳ học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè, nghỉ Tết.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 121 tín chỉ (TC), chưa kể nội dung về Giáo dục Quốc phòng (165 tiết).

- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí.

- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

- Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

1.3.3 Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN.

d) Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

e) Về đẳng cấp: môn thể thao chuyên ngành đạt đẳng cấp tương đương I và 02 môn thể thao đạt đẳng cấp III.

f) Có đơn gửi Khoa/Trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học.

1.4 Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá

1.4.1. Các chiến lược dạy - học

1.4.2. Phương pháp giảng dạy

TT	Mã PP	Tên PP	Nhóm PP
1	PPD1.1	Phương pháp động não	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập chủ động
2	PPD1.2	Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ	
3	PPD1.3	Phương pháp học dựa trên vấn đề	
4	PPD1.4	Phương pháp hoạt động nhóm	
5	PPD1.5	Phương pháp đóng vai	
6	PPD2.1	Học dựa vào dự án	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập qua trải nghiệm
7	PPD2.2	Mô phỏng	
8	PPD2.3	Nghiên cứu tình huống	
9	PPD2.4	Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng	

1.4.3. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Mã PP	Tên phương pháp
1	PDG1	Đánh giá ý thức và thái độ học tập
2	PDG2	Đánh giá hồ sơ học phần
3	PDG3	Đánh giá theo hình thức vấn đáp

4	PDG4	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm
5	PDG5	Đánh giá theo hình thức tự luận
6	PDG6	Đánh giá theo hình thức thực hành
7	PDG7	Đánh giá viết báo cáo
8	PDG8	Đánh giá thuyết trình

a. Đánh giá học phần:

Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

Đối với các học phần GDQP-AN, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy. *Lưu ý: để được đánh giá **Đạt** các học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

Các phương pháp đánh giá học phần: tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Đánh giá quá trình	40%
1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
1.2. Đánh giá giữa kì - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	30%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần - <i>Học phần chỉ có lí thuyết</i> : điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kì và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...). - <i>Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án</i> : điểm đánh giá cuối kì là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án. - <i>Học phần có cả lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lí thuyết và đồ án</i> : điểm đánh giá cuối kì là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.	60%
3. Công thức tính điểm học phần 3.1. Học phần chỉ có lí thuyết Điểm học phần lí thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.3 + a_3 \times 0.6$	

Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a3: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.

3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án

Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

3.3. Học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án

$$a = a1 \times 0.1 + a2 \times 0.3 + (a3 \times m + a4 \times n) \times 0.6 / (m + n).$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a3: điểm đánh giá thi kết thúc phần lý thuyết; a4: điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lý thuyết; n: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.

3.4. Học phần thực tập cuối khóa

- Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$a = a1 \times 0.5 + a2 \times 0.5$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a1: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a2: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.

b. Quy trình cho điểm:

Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo.

c. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	3,7
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5

	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH HỌC

2.1. Cấu trúc và nội dung chương trình

a. Cấu trúc của chương trình

Chương trình bao gồm 121 tín chỉ (2670 giờ), chưa kể phần nội dung về Giáo dục quốc phòng và An ninh.

TT	Cấu trúc kiến thức	ĐVTC
1	Kiến thức giáo dục đại cương (không gồm học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh) (<i>Excluding Defense education</i>)	30
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (<i>Professional education</i>)	91
2.1	Kiến thức cơ sở ngành.	31
2.1.1	Kiến thức bắt buộc (<i>Main part</i>)	16
2.1.2	Kiến thức lựa chọn (<i>Selected part</i>)	15
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành.	46
2.2.1	Kiến thức bắt buộc của ngành (<i>Main part of business administration</i>)	6
2.2.2	Kiến thức lựa chọn ngành (<i>Selected part of business administration</i>)	16
2.2.3	Kiến thức lựa chọn chuyên ngành (<i>Main part of department of Study</i>)	24
2.3	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế)	14
2.3.1	Thực tập nghiệp vụ	8
2.3.2	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế)	6
	Tổng (30 + 91)	121

b. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần(Course)	Ngôn ngữ giảng dạy	Mã môn học /code	Số tín chỉ/ Credit	Số học phần/ số giờ
1	Kiến thức giáo dục đại cương (không gồm học phần Giáo dục quốc phòng)(<i>Excluding Defense education</i>)			30	13/450
1.1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin /Principle of Marxsim and Leninist	Tiếng Việt		5	2/75
1.2	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam/ Lines and policies of revolution of the Vietnamese Communist Party	Tiếng Việt		3	1/45
1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh's	Tiếng		2	1/30

	Ideology	Việt			
1.4	Ngoại ngữ	Tiếng Việt		6	2/90
1.5	Tin học đại cương/ General Informatics	Tiếng Việt		2	1/30
1.6	Tâm lý học đại cương	Tiếng Việt		2	1/30
1.7	Giáo dục học đại cương	Tiếng Việt		2	1/30
1.8	Thống kê toán học	Tiếng Việt		2	1/30
1.9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Tiếng Việt		2	1/30
1.10	Quản lý hành chính nhà nước	Tiếng Việt		2	1/30
1.11	Pháp luật đại cương/ General Law	Tiếng Việt		2	1/30
1.12	Giáo dục quốc phòng và An ninh	Tiếng Việt		11	3/165
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (Professional education)			81	2220
2.1	Kiến thức cơ sở ngành.			31	450
2.1.1	Kiến thức bắt buộc (Main part)			16	9/240
2.1.1.1	Tâm lý học Thể dục thể thao			2	1/30
2.1.1.2	Giáo dục học Thể dục thể thao			2	1/30
2.1.1.3	Giải phẫu Thể dục thể thao			2	1/30
2.1.1.4	Sinh lý Thể dục thể thao			4	2/60
2.1.1.6	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao			4	2/60
2.1.1.7	Quản lý thể thao thành tích cao			2	1/30
2.1.2	Kiến thức lựa chọn (Selected part)			15	7/210
2.1.2.1	Tuyển chọn thể thao		*	2	1/30
2.1.2.2	Sinh hóa Thể dục thể thao		*	2	1/30
2.1.2.3	Vệ sinh Thể dục thể thao		*	2	1/30
2.1.2.4	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất			2	1/30
2.1.2.5	Tâm lý lứa tuổi			2	1/30
2.1.2.6	Kinh tế học Thể dục thể thao		*	2	1/30

2.1.2.7	Y học Thể dục thể thao		*	3	1/45
2.1.2.8	Đo lường Thể thao		*	2	1/30
2.1.2.9	Marketing Thể thao			2	1/30
2.1.2.10	Xã hội học Thể dục thể thao			2	1/30
2.1.2.11	Hồi phục Thể thao			2	1/30
2.1.2.12	Sinh cơ Thể dục thể thao			2	1/30
2.1.2.13	Dinh dưỡng Thể thao			2	1/30
2.1.2.14	Lịch sử Thể dục thể thao			2	1/30
2.1.2.15	Văn hóa thể thao			2	1/30
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành.			46	1140
2.2.1	<i>Kiến thức bắt buộc của ngành (Main part of business administration)</i>			6	3/180
2.2.1.1	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh			2	1/60
2.2.1.2	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể dục			2	1/60
2.2.1.3	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bơi lội			2	1/60
2.2.2	<i>Kiến thức lựa chọn ngành (Selected part of business administration)</i>			16	8/360
2.2.2.1	Lý luận và phương pháp huấn luyện Trò chơi vận động			2	1/45
2.2.2.2	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cầu lông		*	2	1/45
2.2.2.3	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng chuyền		*	2	1/45
2.2.2.4	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng đá			2	1/45
2.2.2.5	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng rổ		*	2	1/45
2.2.2.6	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cử tạ		*	2	1/45
2.2.2.7	Lý luận và phương pháp huấn luyện Võ			2	1/45
2.2.2.8	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng ném			2	1/45
2.2.2.9	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng bàn		*	2	1/45
2.2.2.10	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cờ vua			2	1/45

2.2.2.11	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bắn súng		*	2	1/45
2.2.2.12	Lý luận và phương pháp huấn luyện Vật		*	2	1/45
2.2.2.13	Lý luận và phương pháp huấn luyện Quần vợt		*	2	1/45
2.2.2.14	Lý luận và phương pháp huấn luyện Đá cầu			2	1/45
2.2.2.15	Lý luận và phương pháp huấn luyện Golf			2	1/45
2.2.2.16	Lý luận và phương pháp huấn luyện Kiếm			2	1/45
2.2.3	<i>Kiến thức lựa chọn chuyên ngành (Main part of department of Study)</i>			24	8/600
2.2.3.1	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Điền Kinh			24	8/600
2.2.3.2	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Thể Dục			24	8/600
2.2.3.3	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Bơi lội			24	8/600
2.2.3.4	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Bóng chuyền			24	8/600
2.2.3.5	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Võ			24	8/600
2.2.3.6	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Bóng Ném			24	8/600
2.2.3.7	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Bóng Rổ			24	8/600
2.2.3.8	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Bóng bàn			24	8/600
2.2.3.9	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Cầu Lông			24	8/600
2.2.3.10	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Cờ vua			24	8/600
2.2.3.11	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Bắn súng			24	8/600
2.2.3.12	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Vật			24	8/600
2.2.3.13	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Quần vợt			24	8/600
2.2.3.14	Lý luận và phương pháp huấn luyện			24	8/600

	chuyên ngành Bóng Đá				
2.2.3.15	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Golf			24	8/600
2.2.3.16	Lý luận và phương pháp huấn luyện chuyên ngành Kiềm			24	8/600
2.3	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp			14	630
2.3.1	Thực tập nghiệp vụ lần 1			3	135
2.3.2	Thực tập nghiệp vụ lần 2			5	225
2.3.3	Khóa luận tốt nghiệp			6	270

c. Kế hoạch giảng dạy

TT	Tên học phần (Course)	Ngôn ngữ giảng dạy	Mã môn học /code	Số tín chỉ/ Credit	Số học phần/ số giờ
Kỳ học thứ 1 - Semester 1 (15 tuần)					
1	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin P1/Principle of Marxsim and Leninist part I	V		2	1/30
2	Ngoại ngữ/English *	E		3	
3	Vệ sinh thể dục thể thao	V		2	
4	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể dục 1			2	
5	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao chuyên ngành 1			3	
6	Giáo dục quốc phòng/ Defense Education			8	4/165
	Tổng số TC kỳ 1 Total credits in semester 1)			20	
Kỳ học thứ 2 - Semester 2 (15 tuần)					
1	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin P2/Principle of Marxsim and Leninist part	V		3	
2	Ngoại ngữ/English *	E		3	
3	Pháp luật đại cương	V		2	
4	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh	V		2	
7	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao chuyên ngành 2			3	
	Tổng số TC kỳ 2 Total credits in semester 2)			13	
Kỳ học thứ 3 - Semester 3 (15 tuần)					
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh's Ideology	V		2	

2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản	V		3	
3	Toán học thống kê			2	
4	Tâm lý học đại cương			2	
5	Giải phẫu thể dục thể thao			2	
6	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bơi lội 1			2	
7	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao chuyên ngành 3			3	
	Tổng số TC kỳ 3 Total credits in semester 3)			16	
Kỳ học thứ 4 - Semester 4 (15 tuần)					
1	Giáo dục đại cương			2	
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học			2	
3	Quản lý hành chính nhà nước			2	
4	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng chuyền			2	
5	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao chuyên ngành 4			3	
	Tổng số TC kỳ 4 Total credits in semester 4)			11	
Kỳ học thứ 5 - Semester 5 (15 tuần)					
1	Tâm lý học thể dục thể thao			2	
2	Sinh lý thể dục thể thao 1			2	
3	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 1			2	
4	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao chuyên ngành 5			3	
5	Đo lường thể thao			2	
6	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cầu lông			2	
7	Lý luận và phương pháp huấn luyện Vật			2	
8	Thực tập nghiệp vụ Lần 1			3	
	Tổng số TC kỳ 5 Total credits in semester 5)			18	
Kỳ học thứ 6 - Semester 6 (15 tuần)					
1	Tin học đại cương			2	
2	Giáo dục học thể dục thể thao			2	
3	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao 2			2	
4	Sinh lý thể dục thể thao 2			2	
5	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao chuyên ngành 6			3	
6	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng rổ			2	
7	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cử tạ			2	
	Tổng số TC kỳ 6			15	

	Total credits in semester 6)				
Kỳ học thứ 7 - Semester 7 (15 tuần)					
1	Sinh hóa thể dục thể thao			2	
2	Hồi phục thể thao			2	
3	Y học thể dục thể thao			3	
4	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao chuyên ngành 7			3	
5	Lý luận và phương pháp huấn luyện Quần vợt			2	
6	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng súng			2	
7	Thực tập nghiệp vụ Lần 2			5	
	Tổng số TC kỳ 7			19	
	Total credits in semester 7)				
Kỳ học thứ 8 - Semester 8 (15 tuần)					
1	Quản lý thể thao thành tích cao			2	
2	Tuyển chọn thể thao			2	
2	Kinh tế học thể dục thể thao			2	
3	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng bàn			2	
4	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao chuyên ngành 8			3	
5	Khóa luận tốt nghiệp (học phần thay thế)			6	
	Tổng số TC kỳ 8			17	
	(Total credits in semester 8)				

2.2 Tóm tắt các học phần

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (5 tín chỉ)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn đại cương. Học phần gồm 5 tín chỉ, chia thành 2 học phần. Học phần 1, đề cập đến khái lược, sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa Mác – Lênin; những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Học phần 2 giúp người học nắm bắt được những quy luật kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam nằm trong khối kiến thức các môn đại cương. Học phần gồm 3 tín chỉ, cung cấp những tri thức có tính hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 cho đến nay. Từ đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội (chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại,...).

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan

điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

4. Ngoại ngữ (6 tín chỉ)

Học phần ngoại ngữ cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

5. Tin học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lý lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

6. Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lý học, về những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lý, giúp sinh viên nắm được bản chất của sự hình thành tâm lý, ý thức của con người. Học phần còn giới thiệu quy luật của các hoạt động nhận thức và vai trò của nhận thức đối với sự phát triển tâm lý - ý thức của nhân cách. Qua đó giúp sinh viên nắm được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành và phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy và giáo dục trong quá trình sư phạm

7. Giáo dục học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm được: Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, là một khoa học có đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển, hệ thống khái niệm riêng. Vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ của giáo dục nước ta hiện nay, các con đường để thực hiện giáo dục. Học phần còn giáo dục sinh viên có tình cảm, ý thức trách nhiệm với việc học tập cũng như công tác sau này.

8. Thống kê toán học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về xác suất: Hoán vị, tổ hợp; Định nghĩa xác suất cổ điển; Dãy phép thử; Đại lượng ngẫu nhiên; Hàm phân bố; Các số đặc trưng; Thống kê; Lý thuyết mẫu; Ước lượng; Bài toán kiểm định giả thiết đơn giản; Hồi quy và tương quan.

9. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những thông tin, những kiến thức cơ bản, trong nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thực nghiệm và cách trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu ý nghĩa của công tác nghiên cứu khoa học, có kỹ năng phát hiện và lựa chọn và tổ chức, triển khai các nội dung nghiên cứu. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác nghiên cứu khoa học sau này.

10. Quản lý hành chính nhà nước (2 tín chỉ)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về những vấn đề chung của Nhà nước trên tất cả các mặt quan trọng như: quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý quốc phòng - an ninh, tôn giáo, dân tộc và niềm núi, dân số, lao động, tài nguyên và môi trường, với các lĩnh vực quan trọng khác của đời sống xã hội như: giáo dục - đào tạo, văn hóa, y tế và TDTT.

11. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam.

12. Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

13. Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

14. Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (1 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lý các

vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

15. Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

16. Tâm lý học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản có chọn lọc về đặc điểm, bản chất và các quy luật của các hoạt động tâm lý trong lĩnh vực TDDT làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu TDDT. Qua đó góp phần hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề tâm lý nảy sinh trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đồng thời góp phần hình thành những phẩm chất nhân cách cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao.

17. Giáo dục học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản về đặc điểm, bản chất, quy luật của quá trình sư phạm trong TDDT nói chung và quá trình giáo dục trong hoạt động TDDT nói riêng. Mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức của quá trình giáo dục các phẩm chất đạo đức - nhân cách cho người tập. Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn công tác sau khi ra trường. Học phần cũng giáo dục ý thức trách nhiệm, tình yêu nghề nghiệp, bồi dưỡng kinh nghiệm và năng lực sư phạm cho sinh viên.

18. Sinh lý Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TDDT, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về sinh lý học TDDT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.

19. Giải phẫu Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo các cơ quan, các cơ chế, các quá trình sinh lý diễn ra ở các mức độ từ tế bào đến cơ thể của người. Mặt khác học phần còn cung cấp vai trò và hệ thống thần kinh và sự phát triển của các hệ cơ, xương, khớp trong cơ thể cũng như ảnh hưởng của các bài tập thể dục thể thao đến chức năng sinh lý trong cơ thể, để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể như giữa cơ thể với môi trường và tác động của hoạt động thể dục thể thao lên cơ thể.

20. Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao chuyên ngành (24 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức ban đầu về môn thể thao chuyên ngành, nguyên lý chung khi thực hiện kỹ thuật và giới thiệu các kỹ thuật cơ bản. Phần thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản. Những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức về chiến thuật môn thể thao chuyên ngành. Phần thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản và bước đầu phối hợp các kỹ thuật.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức về dạy học môn thể thao chuyên ngành. Phần thực hành tập luyện các kỹ- chiến thuật cơ bản.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý

thuyết cung cấp cho người học các kiến thức về công tác huấn luyện môn thể thao chuyên ngành, xây dựng kế hoạch và các nguyên tắc huấn luyện. Phần thực hành tập luyện nâng cao kỹ - chiến thuật cơ bản thuần thực. Những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức về công tác huấn luyện môn thể thao chuyên ngành và PP huấn luyện môn thể thao chuyên ngành. Phần thực hành tập luyện các chiến thuật cơ bản thuần thực và đạt được hiệu quả trong tập luyện và thi đấu.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức lý luận chung, nguyên tắc và PP tuyển chọn VĐV môn thể thao chuyên ngành. Phần thực hành tập luyện các kỹ- chiến thuật nâng cao thực hiện tốt, đạt được hiệu quả cao nhất.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết cung cấp cho người học các bước xây dựng, lập kế hoạch, viết đề cương nghiên cứu khoa học môn thể thao chuyên ngành. Phần thực hành tập luyện, có khả năng vận dụng có hiệu quả các chiến thuật đạt được thành tích cao nhất.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết, sinh viên sẽ nắm vững được PP tổ chức thi đấu, luật cơ bản và công tác trọng tài giải quyết các tình huống trong thi đấu môn thể thao chuyên ngành. Phần thực hành tập luyện các kỹ- chiến thuật nâng cao nhuần nhuyễn, đạt hiệu cao nhất.

21. Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh (2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 thuộc thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh (chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa) có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực. Môn Điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn điền kinh.

22. Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục (2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Thể dục là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển chung với dụng cụ. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

23. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội (2 tín chỉ)

Bơi lội là môn thể thao cơ bản trong chương trình GDTC nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bơi lội như: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài cách phòng chống đuối nước, Giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, xu hướng phát triển của môn Bơi lội và tác dụng của nó đến người học, thông qua học phần rèn luyện sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tầm vóc và phẩm chất, tâm lý tốt nhất cho người học. hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, tự tin, vượt khó, tính kỷ luật, yêu thích vận động, có lòng yêu thương và hợp tác với nhau.

24. Tâm lý học quản lý (2 tín chỉ)

Học phần Tâm lý học quản lý trang bị kiến thức cơ bản về tâm lý học quản lý cho sinh viên ngành quản lý TDTT như: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu tâm lý quản lý. Bản chất con người và một số quy luật tình cảm của con người. Tập thể và một số quy luật tâm lý tập thể. Lãnh đạo và tâm lý của lãnh đạo trong công tác quản lý. Giao tiếp trong quản lý.

25. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học TDTT như khái niệm, vai trò của TDTT, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy,... Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong TDTT.

26. Vệ sinh Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh trong luyện tập TDTT, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; nguyên tắc vệ sinh tập luyện và thi đấu một số môn thể thao. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất và tập luyện TDTT.

27. Y học Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và vệ sinh tập luyện. Kiến thức và phương pháp để bước đầu đề phòng và xử lý các trường hợp xấu do tập luyện thiếu khoa học gây ra. Biết vận dụng phương pháp luyện tập để giữ gìn sức khỏe, tăng tuổi thọ. Biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác NCKH TDTT. Biết cách phân bố thời gian tập luyện thích hợp, ngăn ngừa các chấn thương và bệnh tật xảy ra, biết tổ chức và chăm sóc cuộc sống của cá nhân và tập thể một cách hợp lý, khoa học.

28. Đo lường Thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Những kiến thức và phương pháp cơ bản về đo lường để áp dụng vào học tập và NCKH trên lĩnh vực TDTT như test, độ tin cậy, tính thông báo, tính đánh giá, tiêu chuẩn... Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào học tập, NCKH và công tác. Góp phần rèn luyện cho sinh viên tính khoa học, hệ thống, tư duy logic.

29. Quản lý thể thao thành tích cao (2 tín chỉ)

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và quản lý thể dục thể thao, trên cơ sở đó giúp cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề trong quản lý lĩnh vực thể thao thành tích cao. Qua những kiến thức cơ bản này giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức quản lý trong thực tiễn công tác huấn luyện cũng như công tác đào tạo vận động viên sau này.

30. Lý luận và phương pháp huấn luyện Quần vợt (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn Quần vợt, nắm chắc những điều luật cơ bản trong thi đấu. Trang bị các phương pháp chuyên môn trong giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng vận động quần chúng và chỉ đạo, tổ chức xây dựng phong trào cơ sở.

31. Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng đá (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ

chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

32. Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng chuyền (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng chuyền và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật về phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài bóng chuyền. Hình thành các động tác kỹ thuật cơ bản chơi bóng chuyền. Phát triển năng lực vận động ; biết vận dụng hiểu biết, kỹ thuật động tác vào thi đấu với các loại hình chiến thuật khác nhau. Hình thành năng lực tư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. Biết hướng dẫn luyện tập và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

33. Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng rổ (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; một số điều luật và các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp trọng tài. Thực hành các kỹ thuật: các bước di chuyển trong bóng rổ; dẫn bóng; kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực; kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay dưới thấp; kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người; chiến thuật tấn công nhanh; chiến thuật phòng thủ khu vực; phương pháp lên lớp; phương pháp thi đấu và thực hành trọng tài.

34. Kinh tế học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh tế, thị trường, cung cầu trên thị trường, thể thao và kinh tế. Đồng thời nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh tế vĩ mô, kinh tế thể thao, cung ứng hàng hóa TDTT. Từ đó, giúp người học có khả năng ứng dụng trong thực tiễn công tác quản lý TDTT nói chung và quản lý thị trường TDTT nói riêng.

35. Thực tập nghiệp vụ lần 1 (3 tín chỉ)

Tìm hiểu, trực tiếp làm quen với điều kiện thực tiễn để sinh viên có hướng rèn luyện làm quen với thực tiễn hoạt động của các phòng, trung tâm, các Sở Văn hoá, Thể thao & Du lịch. Qua công tác thực tập nghiệp vụ lần 1 sẽ bồi dưỡng cho sinh viên tình yêu ngành nghề, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật trong công tác chuyên môn.

36. Thực tập nghiệp vụ lần 2 (5 tín chỉ)

Tìm hiểu, làm quen với điều kiện thực tiễn ở cơ sở để sinh viên có hướng rèn luyện, học tập và hoàn thiện các nghiệp vụ chuyên môn về TDTT. Giúp sinh viên củng cố và vận dụng kiến thức chuyên môn đã học vào thực tiễn phong trào TDTT cơ sở, hình thành kỹ năng hoạt động chuyên môn. Bồi dưỡng tình yêu ngành nghề cho sinh viên, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật của người cán bộ TDTT, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trang bị kỹ năng tổ chức các hoạt động nghiệp vụ TDTT ở cơ sở.

37. Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Trong học kỳ cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kỹ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

2.5. Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo, chương trình dạy học: Tháng 9 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG